

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Châu Thành,
huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tại Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 02/8/2021 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ số 06/BCTĐQH-SXD ngày 18/5/2021 và Công văn số 963/SXD-QHKT&PTĐT ngày 29/7/2021 của Giám đốc Sở Xây dựng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch: Khu vực lập quy hoạch chung đô thị Châu Thành gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, với quy mô diện tích khoảng 343,78 ha, tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp kênh Tầm Phương (Phường 9, Thành phố Trà Vinh);
- Phía Nam giáp xã Mỹ Chánh và xã Đa Lộc;
- Phía Đông giáp sông Đa Lộc và xã Đa Lộc;
- Phía Tây giáp xã Đa Lộc

2. Tính chất, chức năng, vai trò

- Đô thị Châu Thành là đô thị loại V, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội của huyện Châu Thành, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của huyện và vùng.

- Là đô thị cửa ngõ phía Nam của thành phố Trà Vinh, khu vực tiếp giáp thành phố Trà Vinh có tiềm năng động lực phát triển cho địa bàn.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Dự báo quy mô dân số, đất đai, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Quy mô diện tích toàn đô thị: 343,78 ha
 - + Nhu cầu sử dụng đất dân dụng đô thị đến năm 2030: khoảng 76 ha.
 - + Nhu cầu sử dụng đất dân dụng đô thị đến năm 2040: khoảng 110 ha.
- Dự báo về quy mô dân số đô thị Châu Thành:
 - + Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030 : 7.600 người.
 - + Giai đoạn dài hạn đến năm 2040 : 11.000 người.
- Đất dân dụng : 70 - 100 m²/người
- Mật độ dân số : 145 -100 người/ha
- Hệ số sử dụng đất : 0,5 -1,0

- Tầng cao tối đa : 15 tầng
- Đất cây xanh đô thị : 4 - 10 m²/người
- Đất đơn vị ở : 45 - 55 m²/người

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đô thị: 100 - 120 lít/người/ngày đêm.
- Chỉ tiêu cấp nước công nghiệp: 25 - 45 m³/ha/ngày đêm
- Nước thất thoát: không quá 15% tổng lượng nước cấp của đô thị.
- Nước cho bản thân nhà máy nước, trạm cấp nước (nếu có): 10% tổng lượng nước cấp của đô thị.
- Chỉ tiêu thoát nước: 100% cấp nước.
- Rác thải: 0,9 kg/người-ngày.
- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 400 - 1.000 kWh/người.năm.
- Thông tin liên lạc: 70 thuê bao điện thoại/100 dân.
- Hệ thống đường giao thông đô thị đảm bảo QCVN 07-4:2016/BXD; tỷ lệ đất giao thông đô thị (không bao gồm giao thông tĩnh) trong đất xây dựng đô thị tối thiểu: tính đến đường liên khu vực: 6%; tính đến đường khu vực: 13%; tính đến đường phân khu vực: 18%.

Ngoài ra, các chỉ tiêu hạ tầng khác đảm bảo đúng theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2016/BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

4. Yêu cầu cơ bản trong công tác lập quy hoạch

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường của đô thị.

b) Xác định mục tiêu, động lực phát triển; tính chất, quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị; các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo các giai đoạn phát triển.

c) Dự kiến sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch.

d) Định hướng phát triển không gian đô thị, bao gồm:

- Hướng phát triển đô thị;
- Xác định phạm vi, quy mô các khu đô thị: khu chính trang, cải tạo, khu bảo tồn, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển;
- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng phát triển đối với từng khu chức năng;
- Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị;

- Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

- Thiết kế đô thị theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

đ) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cao độ xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật;

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin và truyền thông, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

e) Đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên về điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu; chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

g) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

5. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Điều 2. Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có trách nhiệm tổ chức lập đồ án quy hoạch chung đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *uba*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, NN, THNV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. *03*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *trung*



Nguyễn Trung Hoàng